

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 41
8. Phụ lục	42 - 43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 3834060
- Fax : +84 (0296) 3834054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất dầu Bio-diesel. Chi tiết: Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentiline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho, trung tâm thương mại;
- Trồng lúa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

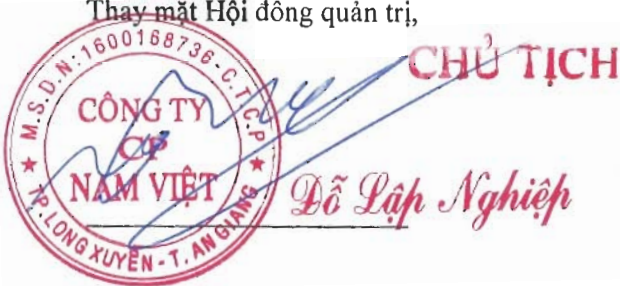
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ngày 27 tháng 8 năm 2025



Số: 1.1398/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thu thập phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hoàng Thái Vương

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.571.109.119.916	2.298.510.809.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	62.672.167.445	178.210.567.959
1. Tiền	111		55.647.509.911	12.610.567.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.024.657.534	165.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.549.489.226	40.398.725.174
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	38.549.489.226	40.398.725.174
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.058.633.809.803	723.574.157.631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	919.159.846.004	614.531.378.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	148.995.941.546	140.794.468.890
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	753.599.909	234.718.093
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	30.804.493.100	8.907.859.081
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(43.777.950.282)	(43.592.146.762)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.697.879.526	2.697.879.526
IV. Hàng tồn kho	140		1.320.590.206.622	1.265.338.880.936
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.326.903.394.265	1.295.202.359.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(6.313.187.643)	(29.863.478.771)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.663.446.820	90.988.478.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	11.630.366.891	15.777.700.506
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.033.079.929	75.188.052.373
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	22.725.308
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.907.680.252.905	1.882.311.781.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.035.000.000	9.845.094.824
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	28.100.000	38.300.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	7.006.900.000	9.806.794.824
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		528.787.913.643	494.258.080.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	85.400.277.283	48.265.095.473
- Nguyên giá	222		511.689.712.668	465.929.582.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(426.289.435.385)	(417.664.486.827)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	106.596.840.395	106.328.007.292
- Nguyên giá	225		138.782.542.854	132.752.805.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(32.185.702.459)	(26.424.798.275)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	336.790.795.965	339.664.977.498
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.235.022.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.444.226.903)	(35.570.045.370)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		301.256.308.577	303.673.363.064
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	301.256.308.577	303.673.363.064
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.033.943.113.405	1.038.087.972.106
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	967.500.000.000	971.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	69.240.000.000	69.240.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(23.100.886.595)	(22.456.027.894)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.657.917.280	36.447.271.035
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	36.657.917.280	36.447.271.035
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.478.789.372.821	4.180.822.591.179

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.461.576.562.880	1.476.429.671.082
I. Nợ ngắn hạn	310		1.420.426.429.989	1.440.895.877.887
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	204.034.913.744	74.427.258.269
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	15.214.893.737	24.498.602.643
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	23.441.345.752	1.560.443.616
4. Phải trả người lao động	314	V.17	31.864.423.822	41.209.203.329
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	13.803.990.366	12.968.395.396
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.118.548.015	1.537.890.276
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	13.213.171.989	30.361.269.519
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a,c	1.117.362.405.586	1.253.878.077.861
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	372.736.978	454.736.978
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		41.150.132.891	35.533.793.195
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b,c	41.150.132.891	35.533.793.195
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

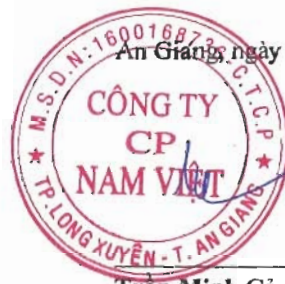
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.017.212.809.941	2.704.392.920.097
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.017.212.809.941	2.704.392.920.097
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	356.636.230.689	43.816.340.845
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.816.340.845	43.816.340.845
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		312.819.889.844	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.478.789.372.821	4.180.822.591.179

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

**Trần Minh Cảnh**
Phó Tổng Giám đốc
Cao Thị Kim Thơ
Người lập
Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.809.751.489.582	2.280.957.150.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	14.035.136.917	15.970.906.949
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.795.716.352.665	2.264.986.243.298
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.313.247.255.085	2.138.741.913.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		482.469.097.580	126.244.329.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.829.081.017	81.187.615.879
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	28.030.032.228	38.582.962.212
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.266.780.578	33.380.927.665
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	111.319.671.858	97.735.624.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	26.491.968.119	31.032.758.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		334.456.506.392	40.080.601.206
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.567.301.891	3.788.835.951
12. Chi phí khác	32	VI.9	78.235.400	2.213.645.022
13. Lợi nhuận khác	40		1.489.066.491	1.575.190.929
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		335.945.572.883	41.655.792.135
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	23.125.683.039	18.709.610
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		312.819.889.844	41.637.082.525
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Cao Thị Kim Thơ
Người lập

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		335.945.572.883	41.655.792.135
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.10; V.11;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.12	23.526.749.270	17.162.968.225
- Các khoản dự phòng	03	V.2b; V.7; V.8	(22.719.628.907)	4.942.756.378
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(1.620.327.720)	(2.304.871.643)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(3.755.407.567)	(67.507.995.874)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	25.266.780.578	33.380.927.665
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		356.643.738.537	27.329.576.886
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(338.816.158.870)	58.734.484.392
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.701.034.558)	4.661.431.263
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		97.626.718.086	206.329.360.026
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.936.687.370	5.236.445.196
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; V.20; VI.5	(25.947.585.981)	(34.281.291.985)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(18.709.610)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(82.000.000)	(119.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61.660.364.584	267.872.296.168
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.13; VII	(48.864.371.977)	(45.376.653.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; VI.8	22.118.815.243	6.815.675.370
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.769.489.226)	(32.215.229.436)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.110.043.358	53.353.769.668
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	3.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.4	3.778.251.322	68.077.764.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.126.751.280)	50.655.326.643

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	từ đầu năm đến cuối năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	1.694.460.341.763	1.414.081.404.389
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(1.826.221.359.789)	(1.686.203.478.898)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(27.290.220.553)	(13.564.015.501)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(18.050.000)	(40.351.070.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(159.069.288.579)	(326.037.160.535)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(115.535.675.275)	(7.509.537.724)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	178.210.567.959	30.313.588.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.725.239)	784.677.792
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	62.672.167.445	23.588.728.688

Cao Thị Kim Thơ
Người lập

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng mặt trời; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty kỳ này tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ gia tăng mạnh và các chi phí sản xuất, chi phí hoạt động, chi phí lãi vay giảm.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô 4A, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%

Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 1 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 18

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 1 / năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	703.600.482	291.794.679
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.943.909.429	12.318.773.280
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	7.024.657.534	165.600.000.000
Cộng	62.672.167.445	178.210.567.959

Các khoản tương đương tiền đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản mở thư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán với nhà cung cấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.21a) và Ngân hàng Malayan Banking Berhad (đã thanh toán hết nhưng chưa giải chấp).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	967.500.000.000	(1.323.151.688)	971.000.000.000	(706.679.404)
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ⁽ⁱⁱ⁾	540.000.000.000	-	540.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.000.000.000	-	180.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar ^(iv)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar ^(v)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ^(vi)	1.500.000.000	(1.323.151.688)	5.000.000.000	(706.679.404)
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt ^(vii)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh	69.240.000.000	(8.486.116.195)	69.240.000.000	(8.347.457.527)
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt ^(viii)	69.240.000.000	(8.486.116.195)	69.240.000.000	(8.347.457.527)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.304.000.000	(13.291.618.712)	20.304.000.000	(13.401.890.963)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.291.618.712)	20.304.000.000	(13.401.890.963)
Cộng	1.057.044.000.000	(23.100.886.595)	1.060.544.000.000	(22.456.027.894)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 180.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty thoái vốn 3.500.000.000 VND và quyết định thực hiện giải thể Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn đầu tư 1.500.000.000 VND.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801723877 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt đang tiến hành thủ tục giải thể, các công ty con khác và công ty liên doanh đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	22.456.027.894	18.046.805.903
Trích lập dự phòng bổ sung	644.858.701	2.442.483.082
Số cuối kỳ	23.100.886.595	20.489.288.985

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	520.089.317.063	255.397.744.097
Bán nguyên vật liệu	980.246.521	33.286.386
Chi phí gia công	56.788.210.682	182.616.830.735
Bán điện mặt trời	-	999.238.131
Mua vật tư, nguyên liệu	68.255.009.051	144.935.390.577
Thuê tài sản hoạt động	13.535.000.000	-
Phí cơ sở hạ tầng, phí xử lý nước thải	1.223.133.623	-
Mua điện	4.328.470.773	-
Chi hộ	8.476.594.014	413.539.388

Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú

Bán nguyên liệu	733.447.962	413.449.898
Bán thành phẩm	57.621.380	126.456.572
Mua nguyên vật liệu	344.373.785.680	429.965.520.975
Mua vật tư	1.474.768.088	660.474.450
Thu hộ	2.177.014.180	3.539.071.996
Lợi nhuận được chia	-	20.000.000.000

Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar

Bán vật tư	-	61.690
Bán thành phẩm	-	2.690.871
Doanh thu cho thuê kho	39.000.000	39.000.000
Mua điện	7.343.283.146	5.945.407.809
Mua vật tư, nguyên liệu	9.295.212	6.212.418
Lợi nhuận được chia	2.000.000.000	20.000.000.000

Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar

Doanh thu cho thuê kho	39.000.000	39.000.000
Mua điện	1.405.519.402	-
Lợi nhuận được chia	400.000.000	3.100.000.000

Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar

Doanh thu cho thuê kho	39.000.000	39.000.000
Mua điện	2.785.013.008	-
Lợi nhuận được chia	-	2.800.000.000

Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt

Mua vật tư, nguyên liệu	25.860.000	6.710.000
Lãi vay	62.126.631	46.164.166
Đi vay	-	3.070.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt		
Bán thành phẩm	67.711.822.500	80.781.067.102
Bán điện mặt trời	20.971.115	11.196.399
Doanh thu cho thuê	5.508.900.000	5.508.900.000
Bán nguyên vật liệu	89.551.805	9.052.738
Phí sử dụng hạ tầng	86.887.074	63.932.413
Mua thức ăn	1.098.337.301.000	854.322.248.000
Mua vật tư, nguyên liệu	10.539.233.655	9.204.535.262
Chi hộ	1.221.837.960	2.781.159.834
Lợi nhuận được chia	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Doanh thu cho thuê	57.870.372	171.870.372
Doanh thu bán thành phẩm	10.827.098.800	8.307.651.000
Mua nguyên liệu	1.363.673.553	923.732.947

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	278.906.632.241	212.167.809.862
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	230.584.055.283	148.407.610.450
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	44.535.970.805	60.695.983.470
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	3.786.606.153	3.064.215.942
Phải thu các khách hàng khác	640.253.213.763	402.363.568.941
PANGAMIA, INC.	209.492.491.731	38.293.465.630
Các khách hàng nước ngoài khác	365.436.245.942	305.770.297.484
Các khách hàng trong nước	65.324.476.090	58.299.805.827
Cộng	919.159.846.004	614.531.378.803

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.21a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	78.817.899.430	98.200.682.913
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	46.747.826.595	50.528.137.483
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	11.616.448.492	12.940.714.124
Công ty TNHH Đại Tây Dương	10.541.519.569	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	4.355.856.142	6.591.492.094
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	5.556.248.632	8.619.657.174
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	-	19.520.682.038
Trả trước cho các người bán khác	70.178.042.116	42.593.785.977
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.754.152.776	1.326.842.160
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	51.500.484.799	23.879.273.651
Các nhà cung cấp khác	12.923.404.541	17.387.670.166
Cộng	148.995.941.546	140.794.468.890

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho các cá nhân vay.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.910.471.683	-	13.832.200	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt – chi hộ	-	-	13.832.200	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương – chi hộ	7.910.471.683	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	22.894.021.417	(897.133.550)	8.894.026.881	(918.734.550)
Tạm ứng	5.491.148.908	-	216.173.635	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	504.528.498	-	760.257.290	-
Tiền lãi cho vay	19.024.009	-	5.648.667	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	5.413.414.824	-	135.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.465.905.178	(897.133.550)	7.776.947.289	(918.734.550)
Cộng	30.804.493.100	(897.133.550)	8.907.859.081	(918.734.550)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ dài hạn	7.006.900.000	-	9.552.584.824	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	254.210.000	-
Cộng	7.006.900.000	-	9.806.794.824	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		45.028.045.181		49.750.315.481
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	7.608.900.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.071.488.334	4.035.744.117	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	462.588.234
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	31.920.352.700	-	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	36.642.622.500
Quá hạn từ 03 năm trở lên	5.036.204.147	-	Quá hạn từ 03 năm trở lên	5.036.204.747
Phải thu khác		3.595.013.076		3.616.614.076
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.697.879.526	809.363.858	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.697.879.526
Quá hạn từ 03 năm trở lên	897.133.550	-	Quá hạn từ 03 năm trở lên	918.734.550
Cộng		48.623.058.257		53.366.929.557

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	43.592.146.762	42.122.231.065
Trích lập dự phòng bổ sung	185.803.520	5.007.415.019
Xóa nợ	-	(5.407.346.644)
Số cuối kỳ	43.777.950.282	41.722.299.440

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.356.144.000	-	1.483.692.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	634.885.493.754	-	457.400.826.120	-
Công cụ, dụng cụ	2.890.766.987	-	2.930.163.239	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	304.648.537.330	-	288.523.906.971	-
Thành phẩm	371.528.705.793	(6.313.187.643)	513.965.132.861	(28.453.353.443)
Hàng hóa	7.050.374.304	-	-	-
Hàng gửi đi bán	4.543.372.102	-	30.898.638.516	(1.410.125.328)
Cộng	1.326.903.394.265	(6.313.187.643)	1.295.202.359.707	(29.863.478.771)

Hàng tồn kho có trị giá 224.822.520.480 VND (số đầu năm là 421.640.622.017 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a) và Ngân hàng TMCP Quân đội (đã thanh toán hết nhưng chưa giải chấp).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	29.863.478.771	15.530.375.959
Hoàn nhập dự phòng	(23.550.291.128)	(2.507.141.723)
Số cuối kỳ	6.313.187.643	13.023.234.236

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	146.666.667	586.666.668
Công cụ, dụng cụ	1.995.332.709	3.086.711.254
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.488.367.515	12.104.322.584
Cộng	11.630.366.891	15.777.700.506

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	24.280.490.701	24.737.838.655
Chi phí sửa chữa	8.451.195.003	7.625.178.702
Công cụ, dụng cụ	876.726.476	468.368.334
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.049.505.100	3.615.885.344
Cộng	36.657.917.280	36.447.271.035

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	113.002.211.480	264.614.790.229	34.523.602.541	9.459.324.098	44.329.653.952	465.929.582.300
Mua trong kỳ	-	9.941.919.175	37.100.000.000	658.200.000	-	47.700.119.175
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.663.127.205	-	-	-	3.663.127.205
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	22.562.904.531	-	-	-	22.562.904.531
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.641.020.543)	(22.525.000.000)	-	-	(28.166.020.543)
Số cuối kỳ	113.002.211.480	295.141.720.597	49.098.602.541	10.117.524.098	44.329.653.952	511.689.712.668
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	95.668.230.831	216.692.033.569	24.043.749.489	4.686.940.509	20.613.103.227	361.704.057.625
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	106.476.449.347	241.728.985.003	28.547.954.015	5.647.484.779	35.263.613.683	417.664.486.827
Khấu hao trong kỳ	633.916.173	4.740.068.022	2.545.856.916	526.330.206	1.209.901.134	9.656.072.451
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	5.235.591.102	-	-	-	5.235.591.102
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.641.020.543)	(625.694.452)	-	-	(6.266.714.995)
Số cuối kỳ	107.110.365.520	246.063.623.584	30.468.116.479	6.173.814.985	36.473.514.817	426.289.435.385
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.525.762.133	22.885.805.226	5.975.648.526	3.811.839.319	9.066.040.269	48.265.095.473
Số cuối kỳ	5.891.845.960	49.078.097.013	18.630.486.062	3.943.709.113	7.856.139.135	85.400.277.283
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	90.256.972.233	42.495.833.334	132.752.805.567
Thuê tài chính trong kỳ	-	28.592.641.818	28.592.641.818
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(22.562.904.531)	-	(22.562.904.531)
Số cuối kỳ	67.694.067.702	71.088.475.152	138.782.542.854
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	23.846.881.617	2.577.916.658	26.424.798.275
Khấu hao trong kỳ	5.833.855.908	5.162.639.378	10.996.495.286
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.235.591.102)	-	(5.235.591.102)
Số cuối kỳ	24.445.146.423	7.740.556.036	32.185.702.459
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	66.410.090.616	39.917.916.676	106.328.007.292
Số cuối kỳ	43.248.921.279	63.347.919.116	106.596.840.395

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Số cuối kỳ	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	35.289.054.370	280.991.000	35.570.045.370
Khấu hao trong kỳ	2.874.181.533	-	2.874.181.533
Số cuối kỳ	38.163.235.903	280.991.000	38.444.226.903
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	339.664.977.498	-	339.664.977.498
Số cuối kỳ	336.790.795.965	-	336.790.795.965
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 94.424.622.883 VND (số đầu năm là 95.647.250.410 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.21a) và Ngân hàng TMCP Quân đội (đã thanh toán hết nhưng chưa giải chấp).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>76.410.353.636</i>	<i>9.907.482.009</i>	<i>(7.403.682.009)</i>	-	<i>78.914.153.636</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>217.411.584.304</i>	<i>7.359.813.937</i>	<i>(3.663.127.205)</i>	<i>(516.142.378)</i>	<i>220.592.128.658</i>
Dự án khu nuôi trồng thủy sản – Đất	209.428.754.654	-	-	-	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	4.062.537.873	5.801.004.101	-	(20.346.838)	9.843.195.136
Nhà máy đông lạnh thủy sản	3.609.290.241	1.558.809.836	(3.663.127.205)	(449.383.028)	1.055.589.844
Các hạng mục khác	311.001.536	-	-	(46.412.512)	264.589.024
<i>Thuê tài chính</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(6.000.000.000)</i>	-	<i>-</i>
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>3.851.425.124</i>	<i>2.883.440.183</i>	<i>-</i>	<i>(4.984.839.024)</i>	<i>1.750.026.283</i>
Cộng	303.673.363.064	20.150.736.129	(17.066.809.214)	(5.500.981.402)	301.256.308.577

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	85.744.001.088	2.677.818.145
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	80.806.462.353	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	4.937.538.735	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	2.677.818.145
Phải trả các nhà cung cấp khác	118.290.912.656	71.749.440.124
Các nhà cung cấp trong nước	87.917.401.812	57.217.586.887
Phải trả tiền nuôi cá cho các chủ vùng nuôi	25.074.266.233	13.722.716.736
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.299.244.611	809.136.501
Cộng	204.034.913.744	74.427.258.269

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	5.977.575.035	6.293.354.827
Các khách hàng nước ngoài	9.237.318.702	18.205.247.816
Cộng	15.214.893.737	24.498.602.643

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.247.746.289	(1.247.746.289)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	366.897.335	(366.897.335)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.725.308	23.125.683.039	-	23.102.957.731	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.557.404.032	-	1.512.975.775	(2.735.470.186)	334.909.621	-
Thuế tài nguyên	3.039.584	-	18.893.248	(18.454.432)	3.478.400	-
Thuế môn bài	-	-	25.500.000	(25.500.000)	-	-
Cộng	1.560.443.616	22.725.308	26.297.695.686	(4.394.068.242)	23.441.345.752	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu – Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu – Công ty mua ngoài bán tổ chức Không kê khai tính thuế
- Cá nguyên liệu – Công ty mua ngoài bán cá nhân 5%
- Sản phẩm dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾ 10%

- ⁽ⁱ⁾ Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật số 67/2025/QH15 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025 (áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025) thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	335.945.572.883	41.655.792.135
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	(19.411.077.559)	5.363.881.455
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	6.308.598.598	43.325.681.272
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.580.498.621)	(2.461.155.217)
Thu nhập chịu thuế	320.262.595.301	87.884.199.645
Thu nhập được miễn thuế	(2.400.000.000)	(65.900.000.000)
Lỗ các năm trước được chuyển	(193.207.914.427)	(21.984.199.645)
Thu nhập tính thuế	124.654.680.874	-
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	-	-
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	36.105.062.698	-
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	88.549.618.176	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.125.683.039	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	18.709.610
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.125.683.039	18.709.610

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.373.465.875	1.170.826.496
Chi phí cước tàu	2.297.646.000	1.831.648.920
Chi phí hoa hồng môi giới	9.686.794.563	7.047.027.821
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	446.083.928	2.918.892.159
Cộng	13.803.990.366	12.968.395.396

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê đất	422.602.269	1.306.907.352
Lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại TSCĐ	695.945.746	230.982.924
Cộng	1.118.548.015	1.537.890.276

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	14.966.219.180
Công ty TNHH Đại Tây Dương - thu hộ	-	14.966.219.180
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.213.171.989	15.395.050.339
Lãi vay phải trả	-	883.444.782
Các khoản bảo hiểm phải nộp và kinh phí công đoàn	5.181.676.945	7.330.987.490
Nhận ký quỹ ngắn hạn	920.330.000	1.197.480.000
Cổ tức phải trả	2.105.578.899	2.123.628.899
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.005.586.145	3.859.509.168
Cộng	13.213.171.989	30.361.269.519

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	-	3.470.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	-	3.470.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	1.089.172.203.301	1.215.142.221.327
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	491.896.330.498	388.182.461.381
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	299.891.819.059	299.585.856.489
Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam	-	9.676.568.075
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	37.044.376.661
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(c)	38.333.452.000	45.084.546.620
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(d)	73.501.020.833	85.111.599.951
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	-	159.287.911.290
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ^(e)	185.549.580.911	191.168.900.860
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	-	2.321.000.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>		
(xem thuyết minh số V.21b)	28.190.202.285	32.944.856.534
Cộng	1.117.362.405.586	1.253.878.077.861

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) của Công ty.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và bảo lãnh cá nhân của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) của Công ty.
- (e) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱ⁾</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>41.000.132.891</i>	<i>35.383.793.195</i>
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	24.055.019.760	28.013.983.007
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	15.141.513.131	1.542.810.172
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua máy móc thiết bị	1.803.600.000	2.104.200.000
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	-	3.722.800.016
Cộng	41.150.132.891	35.533.793.195

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng nợ
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	28.190.202.285	41.000.132.891	69.190.335.176
Cộng	28.190.202.285	41.150.132.891	69.340.335.176
Số đầu năm			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	32.944.856.534	35.383.793.195	68.328.649.729
Cộng	32.944.856.534	35.533.793.195	68.478.649.729

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	35.383.793.195	28.151.906.000	(8.538.857.874)	(13.996.708.430)	41.000.132.891
Cộng	<u>35.533.793.195</u>	<u>28.151.906.000</u>	<u>(8.538.857.874)</u>	<u>(13.996.708.430)</u>	<u>41.150.132.891</u>

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	291.105.818	(82.000.000)	209.105.818
Cộng	<u>454.736.978</u>	<u>(82.000.000)</u>	<u>372.736.978</u>

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.436.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.839.000.000	343.200.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	1.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	899.198.520.000	881.837.520.000
Cộng	<u>2.662.557.500.000</u>	<u>2.662.557.500.000</u>

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

24a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	94.641,13	95.356,18
Euro (EUR)	2.434,92	2.439,12
Dollar Úc (AUD)	786,32	772,28
Rub Nga (RUB)	2.289,59	2.952,31

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.573.717.763	9.718.204,85	188.573.717.763
Khách hàng trong nước		20.969.842.251		20.969.842.251
Cộng		209.543.560.014		209.543.560.014

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	2.792.212.322.831	2.263.299.162.772
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	3.336.750.096	5.608.774.210
Doanh thu bán hàng hóa	958.026.683	519.482.000
Doanh thu khác	13.244.389.972	11.529.731.265
Cộng	2.809.751.489.582	2.280.957.150.247

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh được trình bày tại thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh (cùng kỳ năm trước chỉ có giao dịch về bán điện năng lượng mặt trời cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền là 1.433.322.980 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	8.774.908.620	14.508.524.735
Giảm giá hàng bán	5.260.228.297	1.462.382.214
Cộng	14.035.136.917	15.970.906.949

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.329.175.287.320	2.134.997.395.741
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	727.921.624	1.247.601.317
Giá vốn của hàng hóa đã bán	933.606.500	522.500.000
Giá vốn khác	5.960.730.769	4.481.558.296
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.550.291.128)	(2.507.141.723)
Cộng	2.313.247.255.085	2.138.741.913.631

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.096.712.495	1.104.007.850
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.020.188	6.463.918
Lãi tiền cho vay	39.185.377	74.809.777
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.400.000.000	65.900.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.302.924.827	10.556.136.744
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.620.327.720	2.304.871.643
Lãi bán hàng trả chậm	3.299.725.195	1.156.897.985
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.185.215	84.427.962
Cộng	17.829.081.017	81.187.615.879

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.266.780.578	33.380.927.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.070.061.449	2.667.241.602
Dự phòng tổn thất đầu tư	644.858.701	2.442.483.082
Chi phí tài chính khác	48.331.500	92.309.863
Cộng	28.030.032.228	38.582.962.212

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.673.092.456	3.250.645.206
Chi phí vật liệu, bao bì	112.209.712	94.334.600
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	621.057.436	330.785.936
Chi phí hoa hồng	23.172.795.547	18.249.786.424
Chi phí vận chuyển	53.261.356.132	50.550.652.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.216.523.019	22.531.557.261
Các chi phí khác	3.262.637.556	2.727.861.883
Cộng	111.319.671.858	97.735.624.001

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.334.120.061	14.924.583.787
Chi phí vật liệu quản lý	629.480.863	551.898.803
Chi phí đồ dùng văn phòng	191.773.304	316.937.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.194.317.722	2.319.492.357
Thuế, phí và lệ phí	1.720.867.613	1.443.923.062
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	185.803.520	5.007.415.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.840.853.805	1.373.305.545
Các chi phí khác	4.394.751.231	5.095.202.271
Cộng	26.491.968.119	31.032.758.127

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	219.509.695	429.178.247
Xử lý kiểm kê thừa	1.667.000	-
Xử lý công nợ tồn lâu	221.553.350	1.862.985.737
Thu từ bồi thường	97.709.520	508.843.643
Thu nhập khác	1.026.862.326	987.828.324
Cộng	1.567.301.891	3.788.835.951

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Truy thu, chậm nộp thuế	256.709	11.476.032
Phạt vi phạm hành chính	11.744.807	-
Xử lý công nợ tồn lâu	47.713.600	2.184.369.143
Chi phí khác	18.520.284	17.799.847
Cộng	78.235.400	2.213.645.022

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.496.887.835.345	1.450.905.317.262
Chi phí nhân công	254.411.976.043	157.525.071.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.526.749.270	17.162.968.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	507.586.615.226	506.418.986.317
Chi phí khác	39.259.917.636	33.373.690.252
Cộng	2.321.673.093.520	2.165.386.033.640

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	22.592.641.818	11.718.928.331
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	2.559.264.182	864.378.746
Mua tài sản thuê tài chính nhận nợ chờ giải ngân	-	2.700.000.000
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập kỳ trước	3.000.000.000	896.000.000

Số dư các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	2.952.102.116	3.909.570.573
Trả trước tiền mua tài sản cố định	8.578.637.930	15.617.926.303

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ chỉ có tạm ứng với số tiền là 499.274.000 VND (cùng kỳ năm trước là 325.125.000 VND).

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

Kỳ này

Cộng thu nhập	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	668.578.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	112.986.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	514.929.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	674.578.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	150.599.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	88.334.000
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	31.248.000
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	16.690.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	608.578.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	240.324.075
Cộng	3.106.844.075

Kỳ trước

Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	561.316.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	110.864.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	277.240.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	567.316.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	150.229.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	83.982.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Cộng thu nhập
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	50.864.000
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	501.316.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	501.316.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	225.745.077
Cộng	3.030.188.077

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày tại thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên danh đã được trình bày tại thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH Đại Tây Dương như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuê kho	25.608.071.532	18.652.711.635
Phí sử dụng hạ tầng, xử lý nước thải	300.559.457	404.115.052
Thu hộ tiền điện	5.993.846.832	15.467.782.867
Mua vật tư	96.817.270	-
Trả trước tiền mua hàng	13.000.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6a, V.14, V.20 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	1.504.368.399.767	1.215.093.379.066
Trong nước	1.291.347.952.898	1.049.892.864.232
Cộng	2.795.716.352.665	2.264.986.243.298

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chỉ là sản xuất chế biến cá với tỷ trọng doanh thu kỳ này chiếm tỷ lệ 99% (cùng kỳ năm trước là 99%);

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cao Thị Kim Thơ
Người lập

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.215.142.221.327	1.694.460.341.763	-	(1.820.430.359.789)	1.089.172.203.301
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	5.791.000.000	-	-	(5.791.000.000)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.944.856.534	-	13.996.708.430	(18.751.362.679)	28.190.202.285
Cộng	1.253.878.077.861	1.694.460.341.763	13.996.708.430	(1.844.972.722.468)	1.117.362.405.586

Long Xuyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025



(Handwritten signature)

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Cao Thị Kim Thơ
Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.342.685.621.441	2.671.983.450.693
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	41.637.082.525	41.637.082.525
Số dư cuối kỳ trước	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.384.322.703.966	2.713.620.533.218
Số dư đầu năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	43.816.340.845	2.704.392.920.097
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	312.819.889.844	312.819.889.844
Số dư cuối kỳ này	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	356.636.230.689	3.017.212.809.941



Cao Thị Kim Thơ
Người lập



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



Số/No.: 740 /CV-KTTC

An Giang, ngày 28 tháng 08 năm 2025
An Giang, dated August 28, 2025

Trích yếu: “Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước/
Ref: “Explanation of the difference in net profit after tax in the separate
financial statements for the first six months of 2025 compared to the same period last year”

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau/ *Nam Viet Corporation (Stock symbol: ANV) explains the difference in net profit after tax of the separate financial statements as follows:*

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 lãi 312.8 tỷ đồng, tăng 271 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *Net profit after tax for the first six months of 2025 reached VND 312,8 billion, an increase of VND 271 billion compared to the same period last year.*
- Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2025 đạt 2.795 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tăng và giá bán tăng. Dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 356 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *Net revenue for the first six months of 2025 reached VND 2,795 billion, representing a 23% increase year-over-year, driven by increases in both sales volume and selling prices. As a result, gross profit increased by VND 356 billion compared to the same period last year.*
- Bên cạnh đó, chi phí lãi vay giảm 8 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước/ *In addition, Interest expenses decreased by VND 8 billion, General and administrative expenses decreased by VND 4.5 billion compared to the same period last year*

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết/ *We hereby explain to you and our valued shareholders.*

Trân trọng kính chào/ *Yours faithfully,*

Nơi nhận/To:

- Như trên/As above
- Ban TGD/ The BoM
- Lưu VT/Filed

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh